

UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC
SỞ LAO ĐỘNG
THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bình Phước, ngày tháng 10 năm 2021

Số: /SLĐTBXH-VP

V/v triển khai thực hiện, xác định
Chỉ số cải cách hành chính

Kính gửi: Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở.

Thực hiện Quyết định số 34/2020/QĐ-UBND ngày 29/12/2020 của UBND tỉnh ban hành Quy định trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương trong thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

Thực hiện Quyết định số 1967/QĐ-UBND ngày 28/7/2021 của UBND tỉnh phê duyệt Đề án “Xác định Chỉ số cải cách hành chính của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố và UBND các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh”;

Thực hiện Kế hoạch số 305/KH-UBND ngày 07/10/2021 của UBND tỉnh về triển khai xác định Chỉ số cải cách hành chính năm 2021 của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã và Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh và Hướng dẫn số 2635/SNV-CCHC ngày 19/10/2021 của Sở Nội vụ về hướng dẫn tự đánh giá, chấm điểm xác định chỉ số CCHC các cơ quan, đơn vị, địa phương,

Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội yêu cầu các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở thực hiện một số nội dung sau:

1. Quán triệt, phổ biến nội dung Quyết định số 34/2020/QĐ-UBND ngày 29/12/2020 của UBND tỉnh; Quyết định số 1967/QĐ-UBND ngày 28/7/2021 của UBND tỉnh đến toàn thể viên chức, người lao động đơn vị (*gửi kèm theo Công văn này*).

2. Tổ chức thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính (CCHC) và các nội dung các lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần của Bộ Chỉ số CCHC theo Phụ lục 1 một cách nghiêm túc, có hiệu quả.

3. Căn cứ kết quả thực hiện công tác CCHC, xem xét, đối chiếu với yêu cầu và hướng dẫn cách chấm điểm Chỉ số CCHC, đơn vị tự theo dõi, đánh giá, cho điểm kết quả thực hiện và gửi về Sở Báo cáo tự đánh giá, chấm điểm tiêu chí, tiêu chí thành phần Chỉ số CCHC hằng năm (năm 2021, gửi về Sở chậm nhất vào ngày 03/12/2021), gồm nội dung sau:

- Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá, chấm điểm tiêu chí, tiêu chí thành phần Chỉ số CCHC theo Phụ lục 1.

- Tài liệu kiểm chứng.
- Giải trình các nội dung tự đánh giá, chấm điểm tiêu chí, tiêu chí thành phần không có tài liệu kiểm chứng.
- Những khó khăn, vướng mắc và kiến nghị (nếu có).

Lưu ý: Báo cáo tự đánh giá, chấm điểm tiêu chí, tiêu chí thành phần Chỉ số CCHC của đơn vị phải do Giám đốc đơn vị ký; đơn vị không tự đánh giá, chấm điểm đối với tiêu chí, tiêu chí thành phần được điều tra xã hội học.

4. Kết quả Chỉ số CCHC là cơ sở để đánh giá năng lực chỉ đạo, điều hành và trách nhiệm của Giám đốc các đơn vị trực thuộc Sở và là một trong những tiêu chí đánh giá, bình xét khen thưởng cuối năm.

Yêu cầu Giám đốc các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở nghiêm túc thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, VP (TL1).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH
VÀ XÃ HỘI TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN VỊ

Số: /BC-.....

Bình Phước, ngày tháng năm 2021

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO

**Kết quả tự đánh giá, chấm điểm tiêu chí, tiêu chí thành phần
Chỉ số cải cách hành chính năm 2021 của**

Kính gửi: Sở Lao động – Thương binh và Xã hội.

Thực hiện Công văn số .../SLĐTBXH-VP ngày ... tháng ... năm ... của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội về triển khai thực hiện, xác định Chỉ số cải cách hành chính,..... báo cáo kết quả tự đánh giá, chấm điểm tiêu chí, tiêu chí thành phần Chỉ số cải cách hành chính năm ..., với các nội dung chính như sau:

I. BÁO CÁO KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM TIÊU CHÍ, TIÊU CHÍ THÀNH PHẦN CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM 2021

1. Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá, chấm điểm tiêu chí, tiêu chí thành phần Chỉ số cải cách hành chính (gửi kèm theo)

S T T	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng (Số, kí hiệu và ngày ban hành của văn bản)
1	CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CCHC			
1.1	Kế hoạch CCHC năm			
1.1.1				
1.1.2				
.....				

2. Diễn giải cách chấm điểm tiêu chí, tiêu chí thành phần từng phần

Ví dụ: Tiêu chí thành phần 1.1.1. Ban hành kế hoạch CCHC năm

Kế hoạch CCHC năm 2021 của Trung tâm DVVL ban hành trước ngày 28/01/2021 (đúng theo quy định tại Kế hoạch số 10/KH-SLĐTBXH ngày 19/01/2021 của Sở về thực hiện công tác cải cách hành chính năm 2021), xác định đầy đủ 06 nội dung CCHC; kết quả đầu ra của từng nhiệm vụ.... Tiêu chí này tự chấm 2 điểm (Tài liệu kiểm chứng Kế hoạch số /KH-TTĐVVL của Trung tâm dịch vụ việc làm)

3. Tài liệu kiểm chứng (gửi kèm theo)

II. NHỮNG KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC VÀ KIẾN NGHỊ

Trên đây là báo cáo kết quả tự đánh giá, chấm điểm tiêu chí, tiêu chí thành phần Chỉ số cải cách hành chính năm 2021 của (gửi kèm theo báo cáo là tài liệu kiểm chứng và bảng Phục lục 1)/.

Nơi nhận:

- Sở LĐ-TB&XH;
- Lưu: VT;

GIÁM ĐỐC

PHỤ LỤC 1
CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CỦA CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP TRỰC THUỘC SỞ
(Ban hành kèm theo Công văn số /SLĐT BXH-VP ngày /10/2021 của Sở LĐT BXH)

S T T	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm ĐT XHH	Tài liệu kiểm chứng	Hướng dẫn đơn vị chấm điểm
1	CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CCHC	17,5				
1.1	Kế hoạch CCHC năm	2				
1.1.1	<i>Ban hành kế hoạch CCHC năm</i>	0,5				<p><u>Yêu cầu:</u> Thời gian ban hành trước ngày 28/01 của năm kế hoạch.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nếu kế hoạch ban hành đúng thời gian quy định thì điểm đánh giá là 0,5 điểm. - Không đúng thời gian quy định thì điểm đánh giá là 0 điểm. <p><u>Tài liệu kiểm chứng:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Kế hoạch CCHC năm của đơn vị - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở
	<i>Ban hành đúng thời gian quy định: 0.5</i>					
	<i>Ban hành không đúng thời gian quy định: 0</i>					
1.1.2	<i>Xác định đầy đủ các nhiệm vụ CCHC trên các lĩnh vực theo yêu cầu</i>	0,5				<p><u>Yêu cầu:</u> Kế hoạch phải đầy đủ 06 nội dung; kết quả đầu ra của từng nhiệm vụ trong kế hoạch phải cụ thể, rõ trách nhiệm triển khai, chi tiết thời hạn hoàn thành</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nếu kế hoạch đáp ứng đầy đủ các yêu cầu nội dung thì điểm đánh giá là 0,5 điểm. - Không đáp ứng một trong các yêu cầu trên thì điểm đánh giá là 0 điểm. <p><u>Tài liệu kiểm chứng:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Kế hoạch CCHC năm của đơn vị

						- Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở
	<i>Đạt yêu cầu theo hướng dẫn: 0.5</i>					
	<i>Không đạt yêu cầu theo hướng dẫn: 0</i>					
1.1.3	<i>Mức độ thực hiện kế hoạch CCHC</i>	1				<p><u>Yêu cầu</u> Tính tỷ lệ % số nhiệm vụ hoặc sản phẩm đã hoàn thành so với tổng số nhiệm vụ hoặc sản phẩm trong Kế hoạch CCHC đơn vị đã ban hành. Nếu tỷ lệ này đạt: - 100% Kế hoạch thì điểm đánh giá là 1 điểm. - Từ 80% - dưới 100% Kế hoạch thì điểm đánh giá là 0,5 điểm. - Dưới 80% Kế hoạch thì điểm đánh giá là 0 điểm.</p> <p><u>Tài liệu kiểm chứng:</u> - Báo cáo CCHC năm của đơn vị - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở</p>
	<i>Hoàn thành 100% kế hoạch: 1</i>					
	<i>Hoàn thành từ 80% - 100% kế hoạch: 0.5</i>					
	<i>Hoàn thành dưới 80% kế hoạch: 0</i>					
1.2	Thực hiện chế độ báo cáo	3				
1.2.1	Thực hiện báo cáo CCHC	2				<p><u>Yêu cầu:</u> Các báo cáo phải đáp ứng đầy đủ số lượng, nội dung và gửi đúng thời gian quy định. - Nếu tất cả báo cáo định kỳ thực hiện đúng yêu cầu thì điểm đánh giá là 1 điểm. Mỗi báo cáo trễ hoặc không đầy đủ trừ 0,25 điểm. - Trong năm nếu có yêu cầu báo cáo chuyên đề nội dung CCHC thì mỗi báo cáo kịp thời, đúng nội dung được tính 0,25 điểm; mỗi báo cáo trễ và không đúng nội dung trừ 0,25 điểm (nhưng không vượt quá 1 điểm). Nếu trong năm không có yêu cầu báo cáo thì đơn vị được điểm tối đa của tiêu chí này.</p> <p><u>Tài liệu kiểm chứng:</u> - Các báo cáo định kỳ về CCHC theo quy định; - Các báo cáo chuyên đề về CCHC (nếu có)</p>

						- Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở
	<i>Báo cáo CCHC định kỳ: 1</i>					
	<i>Báo cáo CCHC theo chuyên đề: 1</i>					
1.2.2	Báo cáo tự đánh giá, chấm điểm kết quả Chỉ số CCHC	1				Do Sở tính điểm này sau khi tổng hợp
	<i>Điểm tự chấm chênh lệch từ 3% trở xuống so với kết quả thẩm định: 1</i>					
	<i>Điểm tự chấm chênh lệch trên 3% đến dưới 5% so với kết quả thẩm định: 0.5</i>					
	<i>Điểm tự chấm lệch trên 5% so với kết quả thẩm định: 0</i>					
1.3	Kiểm tra công tác CCHC, kỷ luật kỷ cương hành chính	1				Đơn vị không tự chấm điểm tiêu chí này
1.3.1	Tỷ lệ cơ quan, đơn vị trực thuộc và tương đương được kiểm tra trong năm	0,5				
	<i>Từ 30% số cơ quan, đơn vị trở lên: 0.5</i>					
	<i>Từ 20% - dưới 30% số cơ quan, đơn vị: 0.25</i>					
	<i>Dưới 20% số cơ quan, đơn vị: 0</i>					
1.3.2	Xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	0,5				
	<i>100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0.5</i>					
	<i>Từ 80% - dưới 100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0.25</i>					
	<i>Dưới 80% số vấn đề đã được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0</i>					

1.4	Công tác tuyên truyền CCHC	1			<p><u>Yêu cầu</u> Nếu tuyên truyền CCHC qua các hình thức sau: Tổ chức hội nghị; Đăng tải thông tin CCHC trên Website của đơn vị; Tuyên truyền CCHC trên Đài PT-TH và Báo Bình Phước,... thì điểm đánh giá là 0,5 điểm. Ngoài các hình thức trên, nếu tuyên truyền CCHC bằng một trong các hình thức khác, như: Tổ chức cuộc thi tìm hiểu về CCHC; tọa đàm về CCHC; sân khấu hóa và các hình thức tuyên truyền mới, sáng tạo khác thì điểm đánh giá là 1 điểm. <u>Tài liệu kiểm chứng:</u> - Kế hoạch tuyên truyền CCHC - Báo cáo lồng ghép trong báo cáo CCHC định kỳ. - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở</p>
	<i>Tuyên truyền nội dung CCHC thông qua các phương tiện thông tin đại chúng: 0.5</i>				
	<i>Có các hình thức tuyên truyền mới, hiệu quả: 1</i>				
1.5	Sự năng động trong chỉ đạo, điều hành CCHC	4			
1.5.1	Gắn kết quả thực hiện CCHC với công tác thi đua, khen thưởng	1			<p><u>Yêu cầu</u> Có ban hành văn bản triển khai thực hiện nhiệm vụ CCHC gắn với công tác thi đua, khen thưởng, trong đó có đưa ra tiêu chí cụ thể về công tác thi đua, khen thưởng tại đơn vị thì điểm đánh giá là 0,5 điểm. - Có báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ CCHC gắn với công tác thi đua, khen thưởng (hoặc lồng ghép trong Báo cáo CCHC) thì điểm đánh giá là 0,5 điểm. - Không đáp ứng các điều kiện trên thì điểm đánh giá là 0 điểm <u>Tài liệu kiểm chứng:</u> - Văn bản triển khai thực hiện nhiệm vụ CCHC gắn với công tác thi đua, khen thưởng</p>

						<ul style="list-style-type: none"> - Kết quả khen thưởng của đơn vị - Tài liệu kiểm chứng khác (nếu có) - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở
	<i>Có triển khai thực hiện: 0.5</i>					
	<i>Có báo cáo kết quả triển khai thực hiện: 0.5</i>					
1.5.2	<i>Có giải pháp, sáng kiến trong triển khai công tác CCHC</i>	2				<p><u>Yêu cầu</u> Có giải pháp hoặc sáng kiến, cách làm mới trong công tác CCHC, đáp ứng các yêu cầu sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Được UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt chính thức thực hiện hoặc cho phép thí điểm; lần đầu tiên được áp dụng hoặc áp dụng thử; đã hoặc có khả năng mang lại lợi ích thiết thực để nâng cao hiệu quả thực hiện nhiệm vụ CCHC trong phạm vi cấp tỉnh thì điểm đánh giá là 1 điểm. - Được Giám đốc Sở phê duyệt từ 02 sáng kiến hoặc giải pháp mới, thì điểm đánh giá là 1 điểm; từ 01 sáng kiến hoặc giải pháp mới, thì điểm đánh giá là 0,5 điểm - Không có giải pháp, sáng kiến mới thì điểm đánh giá là 0 điểm <p><u>Tài liệu kiểm chứng:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản phê duyệt triển khai các sáng kiến, giải pháp - Văn bản công nhận các sáng kiến, giải pháp - Trình bày sơ lược về sáng kiến, kết quả mang lại từ sáng kiến. - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở
	<i>Có giải pháp, sáng kiến được UBND tỉnh công nhận: 1</i>					
	<i>Có từ 02 giải pháp, sáng kiến mới trở lên được cấp cơ sở công nhận: 1</i>					
	<i>Có 01 giải pháp, sáng kiến mới được cấp cơ sở công nhận: 0.5</i>					
	<i>Không có giải pháp, sáng kiến</i>					

	<i>mới: 0</i>					
1.5.3	Tham gia các Hội thi về cải cách hành chính do UBND tỉnh tổ chức (<i>nếu có</i>)	1				Đơn vị không tự chấm điểm tiêu chí này.
	<i>Có tham đầy đủ các Hội thi về cải cách hành chính do UBND tỉnh tổ chức: 1</i>					
	<i>Không tham gia đầy đủ các Hội thi về cải cách hành chính do UBND tỉnh tổ chức: 0</i>					
1.6	Thực hiện các nhiệm vụ được UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao trong năm	1,5				Đơn vị không tự chấm điểm tiêu chí này
	<i>Hoàn thành đúng tiến độ 100% số nhiệm vụ được giao: 1.5</i>					
	<i>Hoàn thành từ 80% đến dưới 100% số nhiệm vụ được giao thì điểm đánh giá được tính theo công thức (tỷ lệ % hoàn thành x 1.5)/100%</i>					
	<i>Hoàn thành dưới 80% nhiệm vụ được giao: 0</i>					
1.7	Tác động công tác chỉ đạo điều hành cải cách hành chính	5				Do Sở Nội vụ triển khai
1.7.1	Chất lượng các văn bản chỉ đạo điều hành CCHC	1		ĐT XHH		
1.7.2	Tính kịp thời của các văn bản chỉ đạo điều hành CCHC	1		ĐT XHH		
1.7.3	Bố trí nguồn lực (nhân lực, tài chính ...) cho công tác CCHC	1		ĐT XHH		
1.7.4	Công tác chỉ đạo, đôn đốc thực	1		ĐT		

	hiện nhiệm vụ CCHC			XHH		
1.7.5	Việc chấp hành các văn bản chỉ đạo, điều hành của cấp trên về công tác CCHC	1		ĐT XHH		
2	XÂY DỰNG VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN VĂN BẢN QPPL	10				
2.1	Xây dựng văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) theo chương trình đã được phê duyệt	1,5				Đơn vị không tự chấm điểm tiêu chí này
2.1.1	Mức độ tham mưu UBND tỉnh xây dựng VBQPPL	0,75				
	<i>100% văn bản được ban hành đúng tiến độ:0.75</i>					
	<i>Từ 80% - dưới 100% số văn bản ban hành đúng tiến độ: 0.5</i>					
	<i>Dưới 80% văn bản được ban hành đúng tiến độ:0</i>					
2.1.2	Tham mưu thực hiện quy trình xây dựng VBQPPL	0,75				
	<i>100% VBQPPL ban hành trong năm được xây dựng đúng quy trình:0.75</i>					
	<i>Từ 80% - dưới 100% số văn bản được xây dựng đúng quy trình: 0.5</i>					
	<i>Dưới 80% văn bản ban hành trong năm được xây dựng đúng quy trình:0</i>					
2.2	Theo dõi thi hành pháp luật (TĐTHPL)	1,5				
2.2.1	Thực hiện các hoạt động về TĐTHPL	1				

	<i>Thu thập thông tin về tình hình THPL: 0.25</i>					Có thu thập thông tin về tình hình THPL thì điểm đánh giá là 0,25 điểm
	<i>Kiểm tra tình hình thi hành pháp luật: 0.25</i>					Đơn vị không tự chấm điểm tiêu chí này
	<i>Điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật:0.25</i>					Có điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật thì điểm đánh giá là 0,25 điểm
	<i>Báo cáo về theo dõi thi hành pháp luật theo quy định: 0.25</i>					Có Báo cáo về theo dõi thi hành pháp luật theo quy định: 0.25
2.2.2	Xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật	0,5				Căn cứ kết quả thu thập thông tin, điều tra, khảo sát về tình hình THPL, đơn vị xử lý hoặc kiến nghị xử lý kết quả TDTHPL theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 59/2012/NĐ-CP
	<i>Ban hành đầy đủ văn bản xử lý, kiến nghị xử lý kết quả TDTHPL theo thẩm quyền: 0.5</i>					
	<i>Không ban hành đầy đủ văn bản xử lý, kiến nghị xử lý kết quả TDTHPL theo thẩm quyền: 0</i>					
2.3	Rà soát văn bản QPPL	1				
2.3.1	Rà soát, tham mưu UBND tỉnh công bố danh mục văn bản hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	0,5				Đơn vị không tự chấm điểm tiêu chí này
	<i>Kịp thời, đúng quy định:0.5</i>					
	<i>Không kịp thời hoặc không đúng quy định: 0</i>					
2.3.2	Xử lý văn bản QPPL sau rà soát	0,5				Đơn vị không tự chấm điểm tiêu chí này
	<i>100% số văn bản đã được xử lý hoặc kiến nghị xử lý sau rà soát:0.5</i>					
	<i>Từ 80% - dưới 100% số văn bản được xử lý hoặc kiến nghị xử lý sau rà soát: 0.25</i>					
	<i>Dưới 80% số văn bản đã được xử lý hoặc kiến nghị xử lý sau rà</i>					

	<i>soát: 0</i>					
2.4	Xử lý văn bản trái pháp luật do cơ quan có thẩm quyền kiểm tra kiến nghị	1				Đơn vị không tự chấm điểm tiêu chí này
	<i>100% số văn bản đã được xử lý phát hiện qua kiểm tra: 1</i>					
	<i>Từ 80% - dưới 100% số văn bản được xử lý phát hiện qua kiểm tra: 0.5</i>					
	<i>Dưới 80% số văn bản đã được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0</i>					
2.5	Trả lời kiến nghị của cá nhân, tổ chức để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc liên quan đến thể chế, chính sách thuộc phạm vi quản lý	1				<p><u>Yêu cầu:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông kê tổng số kiến nghị của tổ chức, cá nhân; tổng số kiến nghị được trả lời; tổng số kiến nghị đang trả lời; tổng số kiến nghị chưa trả lời. - Tất cả kiến nghị đã được trả lời thì điểm đánh giá là 1 điểm. - Tất cả kiến nghị đang được trả lời thì điểm đánh giá là 0.5 điểm. - Tất cả kiến nghị chưa được trả lời thì điểm đánh giá là 0 điểm. - Trong năm không có kiến nghị thì điểm đánh giá là 1 điểm <p><u>Tài liệu kiểm chứng:</u> Văn bản trả lời kiến nghị của cá nhân, tổ chức</p>
	<i>Tất cả kiến nghị đã được trả lời: 1</i>					
	<i>Tất cả kiến nghị đang được trả lời: 0.5</i>					
	<i>Tất cả kiến nghị chưa được trả lời: 0</i>					
2.6	Tác động đến chất lượng thể chế, cơ chế, chính sách thuộc phạm vi quản lý nhà nước của cơ quan, đơn vị	4				Do Sở Nội vụ triển khai

2.6.1	Tính đồng bộ, thống nhất của hệ thống văn bản QPPL thuộc phạm vi quản lý nhà nước của cơ quan, đơn vị	1		ĐT XHH		
2.6.2	Tính hợp lý của các văn bản QPPL thuộc phạm vi quản lý nhà nước của cơ quan, đơn vị	1		ĐT XHH		
2.6.3	Tính khả thi của các văn bản QPPL thuộc phạm vi quản lý nhà nước của cơ quan, đơn vị	1		ĐT XHH		
2.6.4	Tổ chức thực hiện văn bản QPPL thuộc phạm vi của cơ quan, đơn vị	1		ĐT XHH		
3	CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	16				
3.1	Thực hiện kiểm soát TTHC	3				
3.1.1	Ban hành kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC	1				Đơn vị không tự chấm điểm tiêu chí này
	<i>Ban hành đúng quy định, hướng dẫn: 1</i>					
	<i>Không đúng quy định, hướng dẫn: 0</i>					
3.1.2	Mức độ hoàn thành kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC	1				
	<i>Hoàn thành 100% kế hoạch : 1</i>					<u>Yêu cầu:</u> Hoàn thành 100% nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC hằng năm của Sở thì điểm đánh giá là 1 điểm
	<i>Dưới 100% kế hoạch: 0</i>					<u>Tài liệu kiểm chứng:</u> Báo cáo kết quả rà soát, đánh giá quy định, TTHC thuộc lĩnh vực đơn vị tiếp nhận, giải quyết hằng năm
3.1.3	Thực hiện chế độ báo cáo về TTHC	1				
	<i>Thực hiện đúng, đầy đủ các báo</i>					<u>Yêu cầu:</u>

	<i>cáo định kỳ: 1</i>					<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện đúng, đầy đủ các báo cáo định kỳ về TTHC thì điểm đánh giá là 1 điểm. - Mỗi báo cáo trễ hoặc không đầy đủ thì trừ 0.25 điểm. <p><u>Tài liệu kiểm chứng:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo kết quả giải quyết TTHC định kỳ - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở
	<i>Không đúng, đủ các báo cáo định kỳ: 0</i>					
3.2	Cập nhật, công bố, công khai TTHC	5				
3.2.1	Cập nhật, trình UBND tỉnh công bố TTHC thuộc thẩm quyền quản lý	1				Đơn vị không tự chấm điểm tiêu chí này
	<i>Đầy đủ, kịp thời: 1</i>					
	<i>Không đầy đủ, kịp thời: 0</i>					
3.2.2	Công khai thủ tục hành chính	2				<p><u>Yêu cầu:</u> Công khai TTHC đầy đủ, đúng quy định tại đơn vị, Website đơn vị thì điểm đánh giá là 2 điểm</p> <p><u>Tài liệu kiểm chứng:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Thể hiện trong Báo cáo CCHC của đơn vị - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở
	<i>Công khai TTHC đầy đủ, đúng quy định tại nơi tiếp nhận và trả kết quả: 1</i>					
	<i>Công khai TTHC đầy đủ trên Trang thông tin điện tử của cơ quan: 1</i>					
3.2.3	Công bố quy trình nội bộ giải quyết TTHC	1				Đơn vị không tự chấm điểm tiêu chí này
	<i>100% TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết đã được công bố: 1</i>					
	<i>Từ 80% - dưới 100% TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết đã được công bố: 0.5</i>					

	<i>Dưới 80% TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết đã được công bố: 0</i>					
3.2.4	Công khai tiến độ, kết quả giải quyết hồ sơ TTHC	1				<p><u>Yêu cầu</u> Công khai tiến độ, kết quả giải quyết hồ sơ TTHC thì điểm đánh giá là 1 điểm</p> <p><u>Tài liệu kiểm chứng:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Thể hiện qua số lượng hồ sơ TTHC đơn vị báo và số lượng hồ sơ trên Cổng dịch vụ công tỉnh, trên Hệ thống một cửa điện tử. - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở
	<i>100% hồ sơ TTHC được công khai tiến độ, kết quả giải quyết trên Cổng dịch vụ công của tỉnh: 1</i>					
	<i>Dưới 100% hồ sơ TTHC được công khai tiến độ, kết quả giải quyết trên Cổng dịch vụ công của tỉnh: 0</i>					
3.3	Về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông	6				
3.3.1	Tỷ lệ TTHC được tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh theo quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày ngày 23/4/2018 của Chính phủ	1				Đơn vị không tự chấm điểm tiêu chí này
	<i>100% TTHC được tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh: 1</i>					
	<i>Dưới 100% được đưa ra tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh: 0</i>					

3.3.2	TTHC hoặc nhóm TTHC thuộc thẩm quyền được giải quyết theo hình thức liên thông	1				Đơn vị không tự chấm điểm tiêu chí này
	<i>Có TTHC hoặc nhóm TTHC thuộc thẩm quyền được giải quyết theo hình thức liên thông: 1</i>					
	<i>Không có TTHC hoặc nhóm TTHC thuộc thẩm quyền được giải quyết theo hình thức liên thông: 0</i>					
3.3.3	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được giải quyết theo quy định	2				<p><u>Yêu cầu</u> Thống kê tổng số hồ sơ giải quyết trong năm, trong đó thống kê số hồ sơ giải quyết đúng hạn: - Nếu 100% hồ sơ TTHC trong năm được giải quyết đúng hạn thì điểm đánh giá là 2 điểm - Từ 95% - dưới 100% hồ sơ TTHC trong năm được giải quyết đúng hạn thì điểm đánh giá được tính theo công thức: $(\text{Tỷ lệ \% số hồ sơ giải quyết đúng hạn} \times 2)/100\%$ - Dưới 95% hồ sơ TTHC trong năm được giải quyết đúng hạn thì điểm đánh giá là 0 điểm</p> <p><u>Tài liệu kiểm chứng:</u> - Báo cáo kết quả giải quyết hồ sơ TTHC của đơn vị - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở</p>
	<i>100% hồ sơ TTHC trong năm được giải quyết đúng hạn: 2</i>					
	<i>Từ 95% - dưới 100% hồ sơ TTHC trong năm được giải quyết đúng hạn thì điểm đánh giá được tính theo công thức: $(\text{Tỷ lệ \% số hồ sơ giải quyết đúng hạn} \times 2)/100\%$</i>					
	<i>Dưới 95% hồ sơ TTHC trong năm được giải quyết đúng hạn: 0</i>					
3.3.4	Thực hiện việc xin lỗi người dân,	1				<u>Yêu cầu</u>

	tổ chức khi để hồ sơ TTHC quá hạn giải quyết (nếu có)					<p>Thông kê tổng số hồ sơ giải quyết trong năm, trong đó thông kê số hồ sơ giải quyết trước hạn, đúng hạn và quá hạn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nếu 100% hồ sơ TTHC trong năm khi quá hạn giải quyết đều có văn bản xin lỗi người dân, tổ chức thì điểm đánh giá là 1 điểm. - Nếu dưới 100% hồ sơ TTHC trong năm khi quá hạn giải quyết có văn bản xin lỗi người dân, tổ chức thì điểm đánh giá là 0 điểm. <p><u>Tài liệu kiểm chứng:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo kết quả giải quyết hồ sơ TTHC của đơn vị - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở
	<i>100% hồ sơ TTHC trong năm khi quá hạn giải quyết đều có văn bản xin lỗi người dân, tổ chức: 1</i>					
	<i>Dưới 100% hồ sơ TTHC trong năm khi quá hạn giải quyết có văn bản xin lỗi người dân, tổ chức: 0</i>					
3.3.5	Đánh giá chất lượng giải quyết TTHC	1				<p><u>Yêu cầu</u></p> <p>Thực hiện đánh giá chất lượng giải quyết TTHC theo Kế hoạch triển khai của Sở thì điểm đánh giá là 1 điểm</p> <p><u>Tài liệu kiểm chứng:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo kết quả đánh giá chất lượng giải quyết TTHC của đơn vị - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở
	<i>100% cơ quan, đơn vị trực thuộc đạt điểm đánh giá từ tốt trở lên: 1</i>					
	<i>Từ 80% - 100% cơ quan, đơn vị trực thuộc đạt điểm đánh giá từ tốt trở lên: 0.5</i>					
	<i>Dưới 80% cơ quan, đơn vị trực thuộc đạt điểm từ tốt trở lên: 0</i>					

3.4	Công tác tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị (PAKN) của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết	2				<p><u>Yêu cầu</u> Thực hiện việc tiếp nhận, xử lý PAKN của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết đúng quy định thì điểm đánh giá là 2 điểm</p> <p><u>Tài liệu kiểm chứng:</u> - Báo cáo kết quả theo Biểu mẫu số II.05a/VPCP/KSTT ban hành theo Thông tư số 01/2020/TT-VPCP ngày 21/10/2020 - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở</p>
3.4.1	Tổ chức thực hiện việc tiếp nhận PAKN của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết đúng quy định	1				
	<i>Thực hiện đúng quy định: 1</i>					
	<i>Không thực hiện đúng quy định: 0</i>					
3.4.2	Xử lý PAKN của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh	1				
	<i>100% số PAKN được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1</i>					
	<i>Từ 80% - dưới 100% số PAKN được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0.5</i>					
	<i>Dưới 80% số PAKN được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0</i>					
4	CAI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH	12				
4.1	Thực hiện quy định của UBND tỉnh và hướng dẫn của các bộ, ngành về tổ chức bộ máy	4				
4.1.1	Sắp xếp, kiện toàn chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của	1				<p><u>Yêu cầu</u> Sắp xếp, kiện toàn chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy</p>

	đơn vị trực thuộc					của đơn vị đúng quy định thì điểm đánh giá là 1 điểm. <u>Tài liệu kiểm chứng:</u> - Thể hiện cụ thể trong Báo cáo CCHC năm của đơn vị - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở
	<i>Đúng quy định: 1</i>					
	<i>Không đúng quy định: 0</i>					
4.1.2	Thực hiện quy định về cơ cấu số lượng lãnh đạo	3				
	<i>Thực hiện đúng quy định về cơ cấu số lượng lãnh đạo sở và tương đương: 1</i>					Đơn vị không tự chấm điểm tiêu chí này
	<i>Thực hiện đúng quy định về cơ cấu số lượng lãnh đạo cấp phòng thuộc sở và tương đương: 1</i>					Đơn vị không tự chấm điểm tiêu chí này
	<i>Thực hiện đúng quy định về cơ cấu số lượng lãnh đạo đơn vị trực thuộc: 1</i>					<u>Yêu cầu</u> Thực hiện quy định về cơ cấu số lượng lãnh đạo đơn vị thì điểm đánh giá là 1 điểm. <u>Tài liệu kiểm chứng:</u> - Thể hiện cụ thể trong Báo cáo CCHC năm của đơn vị - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở
4.2	Thực hiện quy định về các quy định về quản lý biên chế	3				
4.2.1	Thực hiện quy định về sử dụng biên chế hành chính	1				<u>Yêu cầu</u> Báo cáo số biên chế hành chính đã thực hiện so với số biên chế hành chính được giao. Sử dụng không vượt quá số lượng biên chế hành chính được giao thì điểm đánh giá là 1 điểm. <u>Tài liệu kiểm chứng:</u> - Thể hiện cụ thể trong Báo cáo CCHC năm của đơn vị - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở
	<i>Sử dụng không vượt quá số lượng biên chế hành chính được giao: 1</i>					
	<i>Sử dụng vượt quá số lượng biên</i>					

	<i>chế hành chính được giao: 0</i>				
4.2.2	Thực hiện quy định về số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc	1			
	<i>Sử dụng không vượt quá số lượng người làm việc được giao: 1</i>				<p><u>Yêu cầu</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Thống kê tổng số lượng người làm việc hiện có trong đơn vị so với tổng số lượng người làm việc được giao. - Sử dụng không vượt quá số lượng người làm việc được giao thì điểm đánh giá là 1 điểm <p><u>Tài liệu kiểm chứng:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Thể hiện cụ thể trong Báo cáo CCHC năm của đơn vị - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở
	<i>Sử dụng vượt quá số lượng người làm việc được giao: 0</i>				
4.2.3	Tỷ lệ giảm biên chế theo Kế hoạch của Tỉnh ủy và UBND tỉnh	1			<p><u>Yêu cầu</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo cụ thể trong năm đã tinh giảm được bao nhiêu biên chế viên chức. - Năm 2021, báo cáo cụ thể đã tinh giảm được bao nhiêu biên chế viên chức so với năm 2017. - Đạt từ 10% trở lên thì điểm đánh giá là 1 điểm. - Dưới 10% thì điểm đánh giá là 0 điểm <p><u>Tài liệu kiểm chứng:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Thể hiện cụ thể trong Báo cáo CCHC năm của đơn vị - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở
	<i>Đạt từ 10% trở lên: 1</i>				
	<i>Dưới 10%: 0</i>				
4.3	Thực hiện phân cấp quản lý	2			
4.3.1	Thực hiện các quy định về phân cấp quản lý do UBND tỉnh ban hành	0,5			<p><u>Yêu cầu</u></p> <p>Thực hiện đầy đủ các quy định về phân cấp quản lý do UBND tỉnh ban hành thì điểm đánh giá là 0,5 điểm</p> <p><u>Tài liệu kiểm chứng:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Thể hiện cụ thể trong Báo cáo CCHC năm của đơn vị - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở
	<i>Thực hiện đầy đủ các quy định: 0.5</i>				

	<i>Không thực hiện đầy đủ các quy định: 0</i>					
4.3.2	Thực hiện kiểm tra, đánh giá đối với các nhiệm vụ quản lý nhà nước đã phân cấp cho cấp huyện, cấp xã	0,5				Đơn vị không tự chấm điểm tiêu chí này
	<i>Có thực hiện: 0.5</i>					
	<i>Không thực hiện: 0</i>					
4.3.3	Xử lý các vấn đề về phân cấp phát hiện qua kiểm tra	1				Đơn vị không tự chấm điểm tiêu chí này
	<i>100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0.5</i>					
	<i>Dưới 100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0</i>					
4.4	Tác động của cải cách đến tổ chức bộ máy hành chính	3				Do Sở Nội vụ triển khai
4.4.1	Tình hình thực hiện quy chế làm việc của đơn vị	1		ĐT XHH		
4.4.2	Tính hợp lý trong việc thực hiện sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy của đơn vị	1		ĐT XHH		
4.4.3	Tính hợp lý trong phân định chức năng, nhiệm vụ giữa các đơn vị trực thuộc sở	1		ĐT XHH		
5	XÂY DỰNG VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC	13,5				
5.1	Thực hiện cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm	1,5				
5.1.1	Tỷ lệ phòng, ban chuyên môn bố trí công chức theo đúng vị trí việc làm được phê duyệt	0,75				Đơn vị không tự chấm điểm tiêu chí này

	<i>100% số cơ quan, tổ chức: 0.75</i>				
	<i>Từ 80% - dưới 100% số cơ quan, tổ chức: 0.5</i>				
	<i>Dưới 80% số cơ quan, tổ chức: 0</i>				
5.1.2	Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp trực thuộc bố trí viên chức theo đúng vị trí việc làm được phê duyệt	0,75			<p><u>Yêu cầu</u> Bố trí viên chức theo đúng vị trí việc làm được phê duyệt thì điểm đánh giá là 0,75 điểm.</p> <p><u>Tài liệu kiểm chứng:</u> - Thể hiện cụ thể trong Báo cáo CCHC năm của đơn vị hoặc báo cáo kết quả thực hiện vị trí việc làm - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở</p>
	<i>100% số cơ quan, tổ chức: 0.75</i>				
	<i>Từ 80% - dưới 100% số cơ quan, tổ chức: 0.5</i>				
	<i>Dưới 80% số cơ quan, tổ chức: 0</i>				
5.2	Công tác tuyển dụng, tiếp nhận viên chức	1			<p><u>Yêu cầu</u> - Thực hiện đúng quy định tuyển dụng, tiếp nhận viên chức thì điểm đánh giá là 0,75 điểm. Nếu trong năm không tuyển dụng, tiếp nhận viên chức thì lấy kết quả những năm trước liền kề.</p> <p><u>Tài liệu kiểm chứng:</u> - Thể hiện cụ thể trong Báo cáo CCHC năm của đơn vị hoặc báo cáo tình hình tuyển dụng, sử dụng viên chức - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở</p>
	<i>Thực hiện đúng quy định: 1</i>				
	<i>Thực hiện không đúng quy định: 0</i>				
5.3	Chế độ thông tin báo cáo và cập nhật thông tin viên chức trên phần mềm của tỉnh	1			<p><u>Yêu cầu</u> Cập nhật thường xuyên và đầy đủ thông tin về viên chức trên phần mềm của tỉnh. Báo cáo định kỳ hoặc đột xuất đầy đủ, đúng quy định thì điểm đánh giá là 1 điểm</p> <p><u>Tài liệu kiểm chứng:</u> - Các báo cáo về viên chức - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở</p>
	<i>Cập nhật thường xuyên và đầy</i>				

	<i>đủ thông tin về viên chức trên phần mềm cán bộ, công chức của tỉnh: 0.5</i>					
	<i>Báo cáo nội dung, số liệu lĩnh vực công chức, viên chức: 0.5</i>					
5.4	Thực hiện quy định về bổ nhiệm vị trí lãnh đạo tại các cơ quan hành chính	2				Đơn vị không tự chấm điểm tiêu chí này
	<i>100% số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở và tương đương được bổ nhiệm đúng quy định: 1</i>					
	<i>100% số lãnh đạo đơn vị, lãnh đạo cấp phòng của đơn vị trực thuộc được bổ nhiệm đúng quy định: 1</i>					
5.5	Đánh giá, phân loại viên chức	2				
5.5.1	Thực hiện trình tự, thủ tục đánh giá, phân loại viên chức theo quy định	1				<p><u>Yêu cầu</u> Thực hiện đánh giá, phân loại viên chức theo quy định thì điểm đánh giá là 1 điểm; không đúng quy định thì điểm đánh giá là 0 điểm. Nếu thời gian chấm điểm sau khi thực hiện chấm điểm Chỉ số CCHC thì lấy kết quả của năm trước liền kề.</p> <p><u>Tài liệu kiểm chứng:</u> - Báo cáo kết quả đánh giá, phân loại viên chức của đơn vị - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở</p>
	<i>Đúng quy định: 1</i>					
	<i>Không đúng quy định: 0</i>					
5.5.2	Chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức	1				
	<i>Trong năm không có lãnh đạo, công chức tại cơ quan bị kỷ luật từ mức khiển trách trở lên: 0.5</i>					Đơn vị không tự chấm điểm tiêu chí này
	<i>Trong năm không có lãnh đạo,</i>					<u>Yêu cầu</u>

	<i>viên chức tại các đơn vị sự nghiệp trực thuộc bị kỷ luật từ mức khiển trách trở lên: 0.5</i>					<p>Thống kê tổng số viên chức bị kỷ luật trong năm nêu rõ hình thức kỷ luật đối với từng viên chức. Nếu trong năm đơn vị không có viên chức bị kỷ luật từ mức khiển trách trở lên thì điểm đánh giá là 0.5 điểm; nếu có thì điểm đánh giá là 0 điểm</p> <p>Tài liệu kiểm chứng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thể hiện cụ thể trong Báo cáo CCHC năm của đơn vị - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở
5.6	Mức độ hoàn thành Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng viên chức	1				
	<i>Hoàn thành 100% kế hoạch: 1</i>					<p><u>Yêu cầu</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Hoàn thành 100% Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng viên chức thì điểm đánh giá là 1 điểm. - Hoàn thành 80% - dưới 100% kế hoạch thì điểm đánh giá được tính theo công thức. - Hoàn thành dưới 80% kế hoạch thì điểm đánh giá là 0 điểm <p><u>Tài liệu kiểm chứng:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Thể hiện cụ thể trong Báo cáo CCHC năm của đơn vị - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở
	<i>Hoàn thành 80% - dưới 100% kế hoạch thì điểm đánh giá được tính theo công thức: (Tỷ lệ % hoàn thành × 1.00)/100%</i>					
	<i>Hoàn thành dưới 80% kế hoạch: 0</i>					
5.7	Tác động đến chất lượng đội ngũ công chức, viên chức	5				
5.7.1	Tính công khai, minh bạch trong công tác tuyển dụng, bổ nhiệm công chức, viên chức	1		ĐT XHH		Do Sở Nội vụ triển khai
5.7.2	Năng lực chuyên môn của công chức, viên chức trong phối hợp, xử lý công việc	1		ĐT XHH		
5.7.3	Tinh thần trách nhiệm của công	1		ĐT		

	chức, viên chức trong phối hợp, xử lý công việc			XHH		
5.7.4	Thực hiện quy tắc ứng xử của công chức, viên chức trong hoạt động của cơ quan, đơn vị	1		ĐT XHH		
5.7.5	Tình trạng công chức, viên chức lợi dụng chức vụ, quyền hạn để trục lợi cá nhân trong phối hợp, xử lý công việc	1		ĐT XHH		
6	CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG	10				
6.1	Tổ chức thực hiện công tác tài chính - ngân sách	2				
6.1.1	Thực hiện quy định về việc sử dụng kinh phí nguồn từ NSNN	1				<p><u>Yêu cầu</u> Không có sai phạm được phát hiện trong năm đánh giá thì điểm đánh giá là 1 điểm.</p> <p><u>Tài liệu kiểm chứng:</u> - Báo cáo kết quả thực hiện cơ chế tự chủ về sử dụng kinh phí quản lý hành chính của đơn vị; các văn bản khác (nếu có); các kết luận của các cơ quan thanh tra, kiểm tra có thẩm quyền (nếu có). - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở</p>
	<i>Không có sai phạm được phát hiện trong năm đánh giá: 1</i>					
	<i>Có sai phạm được phát hiện trong năm đánh giá: 0</i>					
6.1.2	Tổ chức thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách (nếu có)	1				<p><u>Yêu cầu</u> - Thống kê tổng số tiền phải nộp NSNN đã được cơ quan thanh tra, kiểm tra có thẩm quyền chỉ ra sau thanh tra, kiểm tra về tài chính, ngân sách trong 02 năm gần nhất (Ví dụ: Đánh giá cho năm 2021 thì thống kê tổng số kiến nghị được chỉ ra từ kết quả thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước các năm 2020, 2021). - Điểm đánh giá được tính theo công thức.</p> <p><u>Tài liệu kiểm chứng:</u></p>

					<ul style="list-style-type: none"> - Các kết luận thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách tại đơn vị trong 02 năm gần nhất. - Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán. - Hồ sơ, tài liệu chứng từ thể hiện số tiền đã nộp NSNN theo kiến nghị. - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở
	<i>Điểm đánh giá được tính theo công thức: Tỷ lệ phần trăm số tiền đã nộp NSNN x 1/100%</i>				
6.2	Công tác quản lý, sử dụng tài sản công	2			
6.2.1	Ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài sản công của đơn vị thuộc phạm vi quản lý	1			<p><u>Yêu cầu</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 23 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017. - Có ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài sản công của đơn vị thuộc phạm vi quản lý thì điểm đánh giá là 1 điểm <p><u>Tài liệu kiểm chứng:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công của đơn vị - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở
	<i>100% số cơ quan, đơn vị đã ban hành: 1</i>				
	<i>Từ 80% - dưới 100% số cơ quan, đơn vị đã ban hành: 0.5</i>				
	<i>Dưới 80% số cơ quan, đơn vị đã ban hành: 0</i>				
6.2.2	Thực hiện quy định về sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc thẩm quyền quản lý	1			<p><u>Yêu cầu</u></p> <p>Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công thì điểm đánh giá là 1 điểm</p> <p><u>Tài liệu kiểm chứng:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc thẩm quyền quản lý của đơn vị - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở

	<i>Từ 80% số cơ sở nhà, đất trở lên được cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý: 1</i>				
	<i>Từ 60% - dưới 80% số cơ sở nhà, đất được cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý: 0.75</i>				
	<i>Từ 50% - dưới 60% số cơ sở nhà, đất được cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý: 0.5</i>				
	<i>Dưới 50% số cơ sở nhà, đất được cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý: 0</i>				
6.3	Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm	2			
6.3.1	Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí hành chính	1			<p><u>Yêu cầu</u> Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí hành chính đúng quy định thì điểm đánh giá là 1 điểm</p> <p><u>Tài liệu kiểm chứng:</u> - Báo cáo kết quả thực hiện cơ chế tự chủ của đơn vị - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở</p>
	<i>Đúng quy định: 1</i>				
	<i>Không đúng quy định: 0</i>				
6.3.2	Đơn vị sự nghiệp đảm bảo chi thường xuyên theo quy định được cấp có thẩm quyền phê duyệt (nếu có)	0,5			<p><u>Yêu cầu</u> Đảm bảo chi thường xuyên theo quy định được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì điểm đánh giá là 0.5 điểm</p> <p><u>Tài liệu kiểm chứng:</u> - Báo cáo kết quả thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của đơn vị - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở</p>
	<i>Thực hiện theo đúng quy định:</i>				

	0.5				
	<i>Thực hiện không theo đúng quy định: 0</i>				
6.3.3	Đơn vị sự nghiệp đảm bảo chi một phần thường xuyên theo quy định được cấp có thẩm quyền phê duyệt (nếu có)	0,5			<p><u>Yêu cầu</u> Đảm bảo chi một phần thường xuyên đúng theo quy định được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì điểm đánh giá là 0.5 điểm</p> <p><u>Tài liệu kiểm chứng:</u> - Báo cáo kết quả thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của đơn vị - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở</p>
	<i>Thực hiện theo đúng quy định: 0.5</i>				
	<i>Thực hiện không theo đúng quy định: 0</i>				
6.4	Tác động của cải cách đến quản lý tài chính công	4			Do Sở Nội vụ triển khai
6.4.1	Thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, sử dụng kinh phí của cơ quan, đơn vị	1		ĐT XHH	
6.4.2	Tính hiệu quả của việc quản lý, sử dụng tài sản công	1		ĐT XHH	
6.4.3	Tính hiệu quả của việc thực hiện cơ chế tự chủ về sử dụng kinh phí quản lý hành chính	1		ĐT XHH	
6.4.4	Tính hiệu quả của việc thực hiện cơ chế tự chủ tại các đơn vị sự nghiệp công lập	1		ĐT XHH	
7	HIỆN ĐẠI HÓA HÀNH CHÍNH	15			
7.1	Ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT)	6			
7.1.1	Mức độ hoàn thành kế hoạch ứng dụng CNTT	1			<p><u>Yêu cầu</u> Tính tỷ lệ % số nhiệm vụ hoặc sản phẩm đã hoàn thành</p>

					so với tổng số nhiệm vụ hoặc sản phẩm trong kế hoạch. Hoàn thành 100% kế hoạch, thì điểm đánh giá là 1 điểm. Hoàn thành từ 80% - dưới 100% kế hoạch, thì điểm đánh giá là 0.5 điểm. Hoàn thành dưới 80% kế hoạch, thì điểm đánh giá là 0 điểm. <u>Tài liệu kiểm chứng:</u> - Thể hiện cụ thể trong Báo cáo CCHC năm hoặc báo cáo kết quả ứng dụng CNTT của đơn vị - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở
	<i>Hoàn thành 100% kế hoạch: 1</i>				
	<i>Hoàn thành từ 80% - dưới 100% kế hoạch: 0.5</i>				
	<i>Hoàn thành dưới 80% kế hoạch: 0</i>				
7.1.2	Triển khai thực hiện kiến trúc Chính quyền điện tử theo Quyết định của UBND tỉnh	0,5			<u>Yêu cầu</u> Thực hiện theo quy định thì điểm đánh giá là 1 điểm. Thực hiện không theo quy định thì điểm đánh giá là 0 điểm. <u>Tài liệu kiểm chứng:</u> - Thể hiện cụ thể trong Báo cáo CCHC năm hoặc báo cáo kết quả ứng dụng CNTT của đơn vị - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở và Sở TTTT
	<i>Thực hiện theo quy định: 0.5</i>				
	<i>Thực hiện không theo quy định: 0</i>				
7.1.3	Tỷ lệ trao đổi văn bản điện tử giữa các cơ quan hành chính nhà nước trên phần mềm quản lý văn bản và điều hành (trừ văn bản mật)	1			<u>Yêu cầu</u> - Thống kê tổng số văn bản đi (trừ văn bản mật) của đơn vị phát hành trong năm (gọi là văn bản đi). - Thống kê tổng số văn bản đi của đơn vị được gửi dưới dạng văn bản điện tử, tính cả văn bản được gửi song song với bản giấy (gọi tắt là văn bản điện tử). - Tính tỷ lệ % giữa tổng số văn bản điện tử so với tổng số văn bản đi. Nếu tỷ lệ này đạt:

					<p>+ 100% văn bản đi, được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử, thì điểm đánh giá là 1 điểm</p> <p>+ 100% văn bản đi, được gửi dưới dạng điện tử song song với văn bản giấy, thì điểm đánh giá là 0.25 điểm</p> <p>+ Dưới 100% số văn bản đi được gửi dưới dạng văn bản giấy, thì điểm đánh giá là 0 điểm</p> <p>Tài liệu kiểm chứng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thể hiện cụ thể trong Báo cáo CCHC năm hoặc báo cáo kết quả ứng dụng CNTT của đơn vị - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở và Sở TTTT
	<i>100% văn bản đi, được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử: 1</i>				
	<i>100% văn bản đi, được gửi dưới dạng điện tử song song với văn bản giấy: 0.25</i>				
	<i>Dưới 100% số văn bản đi được gửi dưới dạng văn bản giấy: 0</i>				
7.1.4	Tỷ lệ xử lý văn bản, hồ sơ công việc trên môi trường mạng (trừ văn bản mật)	1			<p><u>Yêu cầu</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - 100% văn bản, hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng (trừ văn bản mật) thì điểm đánh giá là 1 điểm. - Từ 80% đến dưới 100% văn bản, hồ sơ công việc, thì điểm đánh giá là 0.5 điểm. <p><u>Tài liệu kiểm chứng:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Thể hiện cụ thể trong Báo cáo CCHC năm hoặc báo cáo kết quả ứng dụng CNTT của đơn vị - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở và Sở TTTT
	<i>100% văn bản, hồ sơ công việc: 1</i>				
	<i>Từ 80% đến dưới 100% văn bản, hồ sơ công việc: 0.5</i>				
	<i>Dưới 80% văn bản, hồ sơ công việc: 0</i>				
7.1.5	Mức độ sử dụng thư điện tử công vụ trong trao đổi công việc của	1			<p><u>Yêu cầu</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Thống kê tổng số viên chức được cấp thư điện tử công

	viên chức đơn vị					<p>vụ trên tổng số viên chức đơn vị. Tính tỷ lệ viên chức thực hiện trao đổi trong công việc qua thư điện tử công vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Từ 95% trở lên, thì điểm đánh giá là 1 điểm - Từ 80% đến dưới 95%, thì điểm đánh giá là 0.5 điểm <p><u>Tài liệu kiểm chứng:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Thể hiện cụ thể trong Báo cáo CCHC năm hoặc báo cáo kết quả ứng dụng CNTT của đơn vị - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở và Sở TTTT
	<i>Từ 95% trở lên: 1</i>					
	<i>Từ 80% đến dưới 95%: 0.5</i>					
	<i>Dưới 80% số văn bản: 0</i>					
7.1.6	Chữ ký số	0,5				<p><u>Yêu cầu</u> Áp dụng chữ ký số tại đơn vị, thì điểm đánh giá là 0.5 điểm</p> <p><u>Tài liệu kiểm chứng:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Thể hiện cụ thể trong Báo cáo CCHC năm hoặc báo cáo kết quả ứng dụng CNTT của đơn vị - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở và Sở TTTT
	<i>Đã áp dụng chữ ký số: 0.5</i>					
	<i>Chưa áp dụng chữ ký số: 0</i>					
7.1.7	Hoạt động của trang thông tin điện tử của đơn vị	1				<p><u>Yêu cầu</u> Nếu Trang thông tin điện tử của đơn vị:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hoạt động duy trì, cập nhật thường xuyên, đầy đủ thì điểm đánh giá là 1 điểm; - Cập nhật không đầy đủ thì điểm đánh giá là 0.5 điểm <p><u>Tài liệu kiểm chứng:</u> Thể hiện trên Trang thông tin điện tử của đơn vị</p>
	<i>Duy trì, cập nhật thường xuyên, đầy đủ: 1</i>					
	<i>Cập nhật không đầy đủ: 0.5</i>					
	<i>Trang thông tin điện tử không hoạt động: 0</i>					
7.2	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến	3				

7.2.1	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến mức 3, 4	1				Đơn vị không tự chấm điểm tiêu chí này
	<i>80% TTHC đáp ứng yêu cầu dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4: 1</i>					
	<i>Từ 60% - dưới 80% TTHC đáp ứng yêu cầu dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4: 0.5</i>					
	<i>Dưới 60% TTHC đáp ứng yêu cầu dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4: 0</i>					
7.2.2	Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3, 4 có phát sinh hồ sơ trong năm	1				Tài liệu kiểm chứng: - Thể hiện cụ thể trong Báo cáo CCHC năm hoặc báo cáo kết quả ứng dụng CNTT của đơn vị - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở và Sở TTTT
	<i>Từ 50% số TTHC trở lên cung cấp trực tuyến mức độ 3, 4 có phát sinh hồ sơ: 1</i>					
	<i>Dưới 50% số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3, 4 có phát sinh hồ sơ: 0</i>					
7.2.3	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được xử lý trực tuyến mức độ 3, 4	1				<u>Yêu cầu</u> - Thống kê số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3,4 có phát sinh hồ sơ. - Thống kê tổng số hồ sơ đã tiếp nhận (cả trực tuyến, BCCI và truyền thống) của các TTHC nêu trên. - Tính tỷ lệ % giữa số hồ sơ đã tiếp nhận trực tuyến so với tổng số hồ sơ đã tiếp nhận trong năm (cả trực tuyến và truyền thống). Nếu tỷ lệ này đạt: + Từ 80% số hồ sơ TTHC trở lên thì điểm đánh giá là 1 điểm. + Từ 50% - dưới 80% số hồ sơ TTHC được xử lý trực tuyến mức độ 3, 4: Thi điểm đánh giá là 0.5 điểm. <u>Tài liệu kiểm chứng:</u> - Thể hiện cụ thể trong Báo cáo CCHC năm của đơn vị

						- Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở và Sở TTTT
	80% số hồ sơ TTHC được xử lý trực tuyến mức độ 3,4: 1					
	Từ 50% - dưới 80% số hồ sơ TTHC được xử lý trực tuyến mức độ 3, 4: 0.5					
	Dưới 50% số hồ sơ TTHC: 0					
7.3	Thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích (BCCI)	3				
7.3.1	Tỷ lệ TTHC đã triển khai có phát sinh hồ sơ tiếp nhận/trả kết quả giải quyết qua dịch vụ BCCI	1				<p><u>Yêu cầu</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Thống kê số TTHC đã triển khai tiếp nhận/trả kết quả giải quyết qua dịch vụ BCCI. - Thống kê số TTHC có phát sinh hồ sơ tiếp nhận/trả kết quả giải quyết qua dịch vụ BCCI. - Tính tỷ lệ % số TTHC có phát sinh hồ sơ tiếp nhận/trả kết quả giải quyết qua dịch vụ BCCI với tổng số TTHC đã triển khai tiếp nhận/trả kết quả giải quyết qua dịch vụ BCCI. Nếu tỷ lệ này đạt: <ul style="list-style-type: none"> + Từ 50% số TTHC có phát sinh hồ sơ trở lên thì điểm đánh giá là 1 điểm. + Dưới 50% số TTHC có phát sinh hồ sơ: Thì điểm đánh giá là 0 điểm. <p><u>Tài liệu kiểm chứng:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Thể hiện cụ thể trong Báo cáo CCHC năm của đơn vị - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở và STTTT
	Từ 50% số TTHC trở lên có phát sinh hồ sơ: 1					
	Dưới 50% số TTHC có phát sinh hồ sơ: 0					
7.3.2	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận qua dịch vụ BCCI	1				<p><u>Yêu cầu</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Thống kê số TTHC đã triển khai thực hiện tiếp nhận hồ sơ qua dịch vụ BCCI. - Thống kê tổng số hồ sơ đã tiếp nhận (Cả tiếp nhận qua

					<p>dịch vụ BCCI và qua hình thức khác) của các TTHC nêu trên.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tính tỷ lệ % giữa số hồ sơ đã tiếp nhận qua dịch vụ BCCI so với tổng số hồ sơ đã tiếp nhận trong năm (Tất cả các hình thức) của các TTHC nêu trên. Nếu tỷ lệ này đạt: <ul style="list-style-type: none"> + Từ 10% số hồ sơ TTHC trở lên thì điểm đánh giá là 1 điểm. + Dưới 10% số hồ sơ TTHC: Thì điểm đánh giá là 0 điểm. <p><u>Tài liệu kiểm chứng:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Thể hiện cụ thể trong Báo cáo CCHC năm của đơn vị hoặc báo cáo kết quả thực hiện Quyết định 45/2016/QĐ-TTg. - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở và Sở TTTT
	<i>Từ 10% số hồ sơ TTHC trở lên:</i>				
	<i>Dưới 10% số hồ sơ TTHC: 0</i>				
7.3.3	Tỷ lệ kết quả giải quyết TTHC được trả qua dịch vụ BCCI	1			<p><u>Yêu cầu</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Thống kê số TTHC đã triển khai thực hiện trả kết quả qua dịch vụ BCCI. - Thống kê tổng số hồ sơ trong năm đã được trả kết quả giải quyết (qua dịch vụ BCCI và trả trực tiếp) của các TTHC nêu trên. - Tính tỷ lệ % giữa số hồ sơ đã trả kết quả qua dịch vụ BCCI so với tổng số hồ sơ đã trả kết quả trong năm (Tất cả các hình thức) của các TTHC nêu trên. Nếu tỷ lệ này đạt: <ul style="list-style-type: none"> + Từ 20% số hồ sơ TTHC trở lên thì điểm đánh giá là 1 điểm. + Dưới 20% số hồ sơ TTHC: Thì điểm đánh giá là 0 điểm. <p><u>Tài liệu kiểm chứng:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Thể hiện cụ thể trong Báo cáo CCHC năm của đơn vị hoặc báo cáo kết quả thực hiện Quyết định 45/2016/QĐ-

						TTg. - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở và Sở TTTT
	<i>Từ 20% số hồ sơ TTHC trở lên: 1</i>					
	<i>Dưới 20% số hồ sơ TTHC: 0</i>					
7.4	Áp dụng, duy trì, cải tiến và tự công bố Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 trong hoạt động của cơ quan	3				Đơn vị không tự chấm điểm tiêu chí này
7.4.1	Có công bố kịp thời hệ thống QLCL phù hợp TCVN ISO 9001 áp dụng tại đơn vị	1				
7.4.2	Có tổ chức đánh giá nội bộ hàng năm	0,5				
7.4.3	Kịp thời cập nhật tài liệu, điều chỉnh, xây dựng mới các quy trình ISO theo sự thay đổi của TTHC	1				
7.4.4	Thực hiện đúng quy định việc duy trì, cải tiến ISO 9001 theo quy định	0,5				
7.5	Tác động của cải cách đến hiện đại hóa hành chính	4				Do Sở Nội vụ tổ chức triển khai
7.5.1	Tính kịp thời của thông tin được cung cấp trên Cổng/Trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị	1		ĐT XHH		
7.5.2	Mức độ đầy đủ của thông tin được cung cấp trên Cổng/Trang thông tin của cơ quan, đơn vị	1		ĐT XHH		
7.5.3	Mức độ thuận tiện trong việc truy cập, khai thác thông tin trên Cổng/Trang thông tin điện tử của	1		ĐT XHH		

	cơ quan, đơn vị					
7.5.4	Tính hiệu quả trong việc thực hiện quy trình ISO	1		ĐT XHH		
8	KHẢO SÁT HÀI LÒNG CỦA NGƯỜI DÂN, TỔ CHỨC TRONG GIẢI QUYẾT TTHC	6				
8.1	Tiến hành khảo sát tại đơn vị đối với những TTHC còn tiếp nhận và trả kết quả tại đơn vị	1				<p><u>Yêu cầu</u> Tiến hành khảo sát đối với TTHC có hồ sơ phát sinh: Thì điểm đánh giá 1 điểm</p> <p><u>Tài liệu kiểm chứng:</u> - Kết quả khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức theo Phụ lục 2 - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở</p>
	Tiến hành khảo sát đối với TTHC có hồ sơ phát sinh: 1					
	Không tiến hành khảo sát: 0					
8.2	Báo cáo định kỳ	1				
	Báo cáo kết quả khảo sát sự hài lòng của cơ quan, đơn vị trong giải quyết TTHC lồng ghép trong báo cáo cải cách hành chính định kỳ (quý I, III, 6 tháng và năm): 1					<p><u>Tài liệu kiểm chứng:</u> - Thể hiện cụ thể trong Báo cáo CCHC định kỳ của đơn vị - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở</p>
	Thiếu 1 báo cáo: 0.25					
	Thiếu 2 báo cáo: 0					
8.3	Kết quả khảo sát	4				
	100% người dân, tổ chức hài lòng với sự phục vụ của cơ quan, đơn vị trong giải quyết TTHC: 4					<p><u>Tài liệu kiểm chứng:</u> - Thể hiện cụ thể trong Báo cáo CCHC định kỳ của đơn vị - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở</p>
	Từ 95% đến dưới 100% người dân, tổ chức hài lòng với sự phục vụ của cơ quan, đơn vị trong giải quyết TTHC: 3					
	Từ 80% đến dưới 95% người					

	dân, tổ chức hài lòng với sự phục vụ của cơ quan, đơn vị trong giải quyết TTHC: 1					
	Dưới 80% người dân, tổ chức hài lòng với sự phục vụ của cơ quan, đơn vị trong giải quyết TTHC: 0					
	TỔNG ĐIỂM	100				

